

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 8 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên
Ông Hồ Văn Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Thành viên
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Anh Nam	Thành viên
Bà Trịnh Nguyễn Phương Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tấn Mẫn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 


Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61773263/23038068

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 24 tháng 2 năm 2021.

Cộng ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Dương Thị Nữ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3796-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

BỘ CÔNG THÔNG TIN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		25.699.783.814	20.625.035.937
110	I. Tiền	4	7.969.628.617	15.408.231.408
111	1. Tiền		7.969.628.617	15.408.231.408
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		300.000.000	200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	300.000.000	200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.194.967.258	5.003.003.050
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	4.252.450.564	4.467.500.836
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	3.226.097.072	95.114.217
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.716.419.622	440.387.997
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		8.235.187.939	13.801.479
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	91.583.693	9.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.143.604.246	4.801.479
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		105.256.928.440	20.895.089.953
220	I. Tài sản cố định		16.463.938.003	15.980.411.538
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.839.322.989	2.478.492.524
222	Nguyên giá		7.019.106.990	14.678.804.493
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.179.784.001)	(12.200.311.969)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	14.624.615.014	13.501.919.014
228	Nguyên giá		14.624.615.014	13.501.919.014
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		85.190.752.814	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	85.190.752.814	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	1.779.412.618	3.045.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		785.212.618	3.045.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		994.200.000	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.822.825.005	1.869.678.415
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.822.825.005	1.869.678.415
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		130.956.712.254	41.520.125.890

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		72.909.200.557	5.760.848.465
310	I. Nợ ngắn hạn		51.019.200.557	4.771.688.465
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	19.525.496.583	2.987.536.092
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		272.806.968	51.848.777
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	164.645.469	234.895.738
314	4. Phải trả người lao động		1.004.198.855	804.176.199
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		33.396.859	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	270.686.000	593.920.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	357.979.853	96.685.165
320	8. Vay ngắn hạn	17	29.000.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	389.989.970	2.626.494
330	II. Nợ dài hạn		21.890.000.000	989.160.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	989.160.000
338	2. Vay dài hạn	17	21.890.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		58.047.511.697	35.759.277.425
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	58.047.511.697	35.759.277.425
411	1. Vốn cổ phần		31.500.000.000	15.750.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.500.000.000	15.750.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		393.000.000	393.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.472.870.806	2.250.432.862
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.681.640.891	17.365.844.563
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.571.043.143	13.223.085.692
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		8.110.597.748	4.142.758.871
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		130.956.712.254	41.520.125.890

Thanh

Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	19.1	67.990.822.285	41.684.748.609
11	2. Giá vốn cung cấp dịch vụ	20	(62.425.047.457)	(34.822.214.264)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		5.565.774.828	6.862.534.345
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	7.045.088.909	585.597.181
22	5. Chi phí tài chính		(51.551.354)	(24.290.836)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(2.861.723.654)	(2.502.675.026)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.697.588.729	4.921.165.664
31	8. Thu nhập khác	22	427.463.456	223.000.000
32	9. Chi phí khác	22	-	(30.000.000)
40	10. Lợi nhuận khác	22	427.463.456	193.000.000
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.125.052.185	5.114.165.664
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(2.014.454.437)	(665.406.793)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		8.110.597.748	4.448.758.871
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.5	3.921	2.326
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.5	3.921	2.326

Đặng Thị Lành

Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.125.052.185	5.114.165.664
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9	381.122.924	741.997.571
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		-	(9.810.000)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.519.213)	(1.296.672)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.406.318.965)	(538.032.868)
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.090.336.931	5.307.023.695
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(12.330.725.580)	177.275.677
11	Tăng các khoản phải trả		685.544.230	640.836.143
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(35.730.283)	282.849.873
14	Tiền lãi vay đã trả		(503.209.861)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(1.913.937.507)	(905.269.622)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(397.500.000)	(306.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(11.405.222.070)	5.196.715.766
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(70.945.005.900)	(36.325.000)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		900.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.294.200.000)	(200.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		200.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(990.000.000)	-
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.071.315.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		162.101.849	538.032.868
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(61.895.789.051)	301.707.868

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	18.1	15.750.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	17	50.890.000.000	-
36	Cổ tức đã trả	18.2	(787.500.000)	(787.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		65.852.500.000	(787.500.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(7.448.511.121)	4.710.923.634
60	Tiền đầu năm		15.408.231.408	10.696.011.102
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.908.330	1.296.672
70	Tiền cuối năm	4	7.969.628.617	15.408.231.408

Đặng Thị Lành

Đặng Thị Lành
 Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Mẫn
 Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 8 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 42 (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 42).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích hao mòn.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ Đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	478.092.262	342.483.653
Tiền gửi ngân hàng	7.491.536.355	15.065.747.755
TỔNG CỘNG	7.969.628.617	15.408.231.408

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

5.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)	785.212.618	3.045.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	994.200.000	-
TỔNG CỘNG	1.779.412.618	3.045.000.000

(i) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VND	
Tên công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	784.666.667	1.320.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	545.951	900.000.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	-	825.000.000
TỔNG CỘNG	785.212.618	3.045.000.000

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số cuối năm thể hiện giá trị của 9.942 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu và hưởng lãi suất 7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 29 tháng 1 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	146.856.110	26.036.415
Phải thu từ bên khác	4.105.594.454	4.441.464.421
Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu	1.244.504.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương	353.408.300	366.747.600
Các khách hàng khác	2.507.682.154	4.074.716.821
TỔNG CỘNG	4.252.450.564	4.467.500.836

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM - SX Tân Phương Phát	853.834.960	-
Công ty TNHH Xe nâng Tín Quang	781.000.000	-
Công ty CP TM Thang máy Phúc Thịnh	368.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ số Vina	365.195.727	-
Công ty Cổ phần Cơ điện CFC	353.688.425	-
Các khách hàng khác	504.377.960	95.114.217
TỔNG CỘNG	3.226.097.072	95.114.217

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	118.962.127	28.969.244
Ký quỹ, ký cược	75.000.000	75.000.000
Khác	1.522.457.495	336.418.753
TỔNG CỘNG	1.716.419.622	440.387.997

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	91.583.693	9.000.000
Chi phí thuê văn phòng	25.000.000	9.000.000
Khác	66.583.693	-
Dài hạn	1.822.825.005	1.869.678.415
Tiền thuê đất	1.433.646.216	1.672.587.252
Chi phí bảo trì	389.178.789	197.091.163
TỔNG CỘNG	1.914.408.698	1.878.678.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.192.413.718	759.954.156	1.726.436.619	14.678.804.493
Mua mới	186.354.800	32.909.091	-	219.263.891
Thanh lý	<u>(7.332.532.615)</u>	<u>(546.428.779)</u>	-	<u>(7.878.961.394)</u>
Số cuối năm	<u>5.046.235.903</u>	<u>246.434.468</u>	<u>1.726.436.619</u>	<u>7.019.106.990</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.005.562.389	213.525.377	549.813.710	2.768.901.476
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	(10.527.779.297)	(372.900.446)	(1.299.632.226)	(12.200.311.969)
Khấu hao trong năm	(236.102.942)	(15.178.578)	(129.841.404)	(381.122.924)
Thanh lý	<u>7.227.097.245</u>	<u>174.553.647</u>	-	<u>7.401.650.892</u>
Số cuối năm	<u>(3.536.784.994)</u>	<u>(213.525.377)</u>	<u>(1.429.473.630)</u>	<u>(5.179.784.001)</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>1.664.634.421</u>	<u>387.053.710</u>	<u>426.804.393</u>	<u>2.478.492.524</u>
Số cuối năm	<u>1.509.450.909</u>	<u>32.909.091</u>	<u>296.962.989</u>	<u>1.839.322.989</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;
- Quyền sử dụng đất tại Lô số 202 – 203, Khu Quy hoạch Dân cư Hồ sinh thái, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và
- Quyền sử dụng đất tại 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đây là các chi phí xây dựng dự án Trung tâm logistics Vinatrans Đà Nẵng tại Khu công nghiệp Hòa Cẩm, quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng. Trong năm, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay với tổng số tiền là 1.111.565.591 VND. Các chi phí này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển Dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên bên khác	17.770.368.153	2.810.519.292
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm</i>	6.500.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu</i>	4.532.141.214	-
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</i>	3.444.000.000	-
<i>Công ty TNHH Hapag-Lloyd (Việt Nam)</i>	1.314.289.751	920.835.016
<i>Khác</i>	1.979.937.188	1.889.684.276
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	1.755.128.430	177.016.800
TỔNG CỘNG	<u>19.525.496.583</u>	<u>2.987.536.092</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	4.801.479	8.138.802.767	-	8.143.604.246
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.293.940	2.014.454.437	(1.913.937.507)	131.810.870
Thuế thu nhập cá nhân	26.640.395	96.570.421	(90.376.217)	32.834.599
Thuế giá trị gia tăng	176.961.403	154.317.237	(331.278.640)	-
TỔNG CỘNG	<u>234.895.738</u>	<u>2.265.342.095</u>	<u>(2.335.592.364)</u>	<u>164.645.469</u>

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền trả trước về cho thuê kho, thuê mặt bằng	270.686.000	593.920.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền cọc	285.000.000	80.250.000
Bảo hiểm xã hội	68.843.432	16.435.165
Khác	4.136.421	-
TỔNG CỘNG	<u>357.979.853</u>	<u>96.685.165</u>

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.626.494	2.626.494
Tăng trong năm	784.863.476	306.000.000
Giảm trong năm	(397.500.000)	(306.000.000)
Số cuối năm	<u>389.989.970</u>	<u>2.626.494</u>

17. VAY

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn				
Vay từ bên liên quan	-	29.000.000.000	-	29.000.000.000
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng	-	21.890.000.000	-	21.890.000.000
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>50.890.000.000</u>	<u>-</u>	<u>50.890.000.000</u>

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 25) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	VND Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Transimex	<u>29.000.000.000</u>	7	12	Từ ngày 16 tháng 6 năm 2022 đến ngày 23 tháng 7 năm 2022	Tin chấp

17.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	VND Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Shinhan Bank	<u>21.890.000.000</u>	7	84	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2028 đến ngày 6 tháng 12 năm 2028	Các Quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hoa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước					
Số đầu năm	15.750.000.000	393.000.000	2.042.652.668	14.218.365.886	32.404.018.554
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.448.758.871	4.448.758.871
Trích lập các quỹ	-	-	207.780.194	(513.780.194)	(306.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(787.500.000)	(787.500.000)
Số cuối năm	15.750.000.000	393.000.000	2.250.432.862	17.365.844.563	35.759.277.425
Năm nay					
Số đầu năm	15.750.000.000	393.000.000	2.250.432.862	17.365.844.563	35.759.277.425
Tăng vốn (*)	15.750.000.000	-	-	-	15.750.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	8.110.597.748	8.110.597.748
Trích lập các quỹ	-	-	222.437.944	(1.007.301.420)	(784.863.476)
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	(787.500.000)	(787.500.000)
Số cuối năm	31.500.000.000	393.000.000	2.472.870.806	23.681.640.891	58.047.511.697

(*) Vào ngày 8 tháng 9 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 1.575.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021. Việc tăng vốn cổ phần này đã được SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 14 ngày 22 tháng 9 năm 2021.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2021 ngày 30 tháng 3 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tại mức 5% mệnh giá. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thực hiện phương án chi trả cổ tức này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Vốn cổ phần

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp VND
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Vinafreight	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	708.460	7.084.600.000	22,49	7.084.600.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	304.800	3.048.000.000	9,68	3.048.000.000
Khác	379.940	3.799.400.000	12,05	3.799.400.000
TỔNG CỘNG	3.150.000	31.500.000.000	100,00	31.500.000.000

18.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	15.750.000.000	15.750.000.000
Tăng trong năm	15.750.000.000	-
Số cuối năm	<u>31.500.000.000</u>	<u>15.750.000.000</u>

18.4 Cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.000	1.575.000
Cổ phiếu đã phát hành	3.150.000	1.575.000
Cổ phiếu đang lưu hành	3.150.000	1.575.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2020: VND 10.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	8.110.597.748	4.448.758.871
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ hoạt động của HĐQT và BKS (VND)	-	(784.863.476)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	8.110.597.748	3.663.895.395
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	2.068.269	1.575.000
Lãi cơ bản (VND)	3.921	2.326
Lãi suy giảm (VND)	3.921	2.326

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động của HĐQT và BKS từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ hoạt động của HĐQT và BKS năm nay chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	64.615.978.118	35.394.566.345
Doanh thu cho thuê kho bãi	2.860.116.895	5.894.727.718
Doanh thu cho thuê văn phòng	514.727.272	395.454.546
DOANH THU THUẦN	67.990.822.285	41.684.748.609
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.051.096.856	434.422.556
Các bên khác	66.939.725.429	41.250.326.053

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán chứng khoán	6.821.527.618	-
Lãi tiền gửi	162.101.849	190.124.818
Cổ tức, lợi nhuận được chia	52.780.000	361.260.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.679.442	34.212.363
TỔNG CỘNG	<u>7.045.088.909</u>	<u>585.597.181</u>

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải	60.686.881.688	31.510.163.481
Giá vốn cho thuê kho bãi	1.738.165.769	3.061.050.783
Giá vốn cho thuê văn phòng	-	251.000.000
TỔNG CỘNG	<u>62.425.047.457</u>	<u>34.822.214.264</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	1.678.140.860	1.554.183.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.992.406	192.386.708
Chi phí khấu hao và hao mòn	145.977.572	171.353.801
Khác	637.612.816	584.751.045
TỔNG CỘNG	<u>2.861.723.654</u>	<u>2.502.675.026</u>

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	427.463.456	223.000.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	422.689.498	223.000.000
Thu nhập khác	4.773.958	-
Chi phí khác	-	(30.000.000)
Các khoản phạt	-	(30.000.000)
THU NHẬP KHÁC THUẦN	<u>427.463.456</u>	<u>193.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.246.465.105	28.146.717.649
Chi phí lương nhân viên	5.808.279.692	5.406.893.943
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9)	381.122.924	741.997.571
Khác	<u>2.850.903.390</u>	<u>3.029.280.127</u>
TỔNG CỘNG	<u>65.286.771.111</u>	<u>37.324.889.290</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>10.125.052.185</u>	<u>5.114.165.664</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.025.010.437	1.022.833.133
<i>Điều chỉnh:</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(10.556.000)	(72.252.000)
Điều chỉnh giảm theo Nghị định số 68/2020/ND-CP	<u>-</u>	<u>(285.174.340)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>2.014.454.437</u>	<u>665.406.793</u>

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	2.301.206.967	1.045.450.544
		Lãi vay	1.000.328.732	-
		Cung cấp dịch vụ	605.719.530	278.616.441
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đồng	Mua dịch vụ	418.837.240	82.797.959
		Cung cấp dịch vụ	55.641.781	64.321.060
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	114.450.000	-
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng	Mua dịch vụ	33.600.000	24.238.124
		Cung cấp dịch vụ	275.285.545	91.485.055

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

					VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải thu khách hàng ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	125.895.000	-	
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ	11.319.775	-	
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ	9.641.335	26.036.415	
			146.856.110	26.036.415	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	1.138.195.000	175.696.800	
		Lãi vay	574.958.871		
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đồng	Mua dịch vụ	35.319.559		
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng	Mua dịch vụ	6.655.000	1.320.000	
			1.755.128.430	177.016.800	
Vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Vay	29.000.000.000	-	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

		VND	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao và thưởng		295.500.000	306.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	450.000.000	840.000.000
Từ 1 đến 5 năm	285.000.000	1.417.500.000
TỔNG CỘNG	735.000.000	2.257.500.000

27. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính này.

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đặng Thị Lành

Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Mẫn
Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2022